TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 455/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 253/2025/TLST - DS ngày 14 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 40, thôn P, xã P , thành phố Hà Nội.

- *Đại diện theo ủy quyền của bà T:* (1) Bà Trần Hoàng Mỹ L, sinh năm: 1996 và ông Hồ Thái B, sinh năm: 2001; địa chỉ liên hệ: P502 - C4 khu tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2025); (2) Ông Trần Quang H, sinh năm: 2000; địa chỉ: Tổ 3 Đ, P, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2026)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư: Đỗ Văn M và Luật sư: Nguyễn Thanh H - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - Văn phòng luật sư Đ; địa chỉ: P502 - C4 khu tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1956; anh Nguyễn Quang B, sinh năm 1976; anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1978; anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội. *Đại diện theo ủy*

quyền của bà C và anh P: Anh Nguyễn Quang B và anh Nguyễn Quang T. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1952; cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà M và bà H: Bà Trần Hoàng Mỹ L, sinh năm: 1996 và ông Trần Thái B, sinh năm: 2001; địa chỉ liên hệ: P502 - C4 khu tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2025).

3.3. Chị Lâm Tuyết M, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền của chị M: Ông Nguyễn Quang T (chồng của chị M); địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

3.4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền của chị T: Ông Nguyễn Quang B (chồng của chị T); địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác nhận: Cụ Nguyễn Quang H (chết năm 2018) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2021) có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952; ông Nguyễn Quang C (sinh năm 1955, mất năm 2023, có vợ là Hoàng Thị C, các con: Nguyễn Quang B, Nguyễn Quang P, Nguyễn Quang T); bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1961, đã chết năm 2013 không có chồng con); bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Ngoài ra hai cụ không không có người con riêng và người con nuôi nào khác.

2. Xác nhận: Thửa đất thửa đất số 56, tờ bản đồ P, diện tích 656m2 đất đã được UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp GCNQSDĐ số T 288928 cấp cho cụ Nguyễn Quang H ngày 15/11/2004 là tài sản riêng của cụ Nguyễn Quang H theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất lập tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội ngày 06/7/2016 (Các đương sự không có ý kiến gì về việc xác nhận này).

3. Xác nhận: Ngày 16/6/2016, tại Văn phòng công chứng G , cụ Nguyễn Quang H đã ký Hợp đồng tặng cho anh Nguyễn Quang T quyền sử dụng một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ P; Địa chỉ Thửa đất: xóm N, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội với diện tích 190m^2. Trong đó, Diện tích đất ở: 140m^2, Đất vườn: 50m^2. Anh Nguyễn Quang T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 865644 ngày 05/7/2017 (các đương sự không có ý kiến về việc tặng cho này).

4. Xác nhận: Ngày 16/6/2016, tại Văn phòng công chứng G, cụ Nguyễn Quang H đã ký Hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Quang C quyền sử dụng một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ P; Địa chỉ thửa đất: Xóm N, thôn P, xã P, huyện

G, thành phố Hà Nội với diện tích 466m^2. Trong đó, Diện tích đất ở: 340m^2, đất vườn: 126m^2. Ông Nguyễn Quang H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 437658 ngày 27/6/2017 (Đối với diện tích 126m2 đất vườn đã được đính chính sang đất trồng cây lâu năm).

5. Xác nhận: Thửa đất số 56, tờ bản đồ P, diện tích 466m^2; địa chỉ thửa đất: Xóm N, thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội cụ Nguyễn Quang H tặng cho ông Nguyễn Quang C nêu trên có 01 nhà 02 tầng bà Nguyễn Thị T (con cụ H) đã xây nhà và ở ổn định từ năm 2000.

Các đương sự thỏa thuận như sau:

5.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích 127,5m2 (trong đó: Đất ở là 80,0m^2, đất trồng cây lâu năm là 47,5m2) tại một phần thửa đất 56 (2), tờ bản đồ P, tại: P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã P, thành phố Hà Nội), đất được giới hạn bởi các điểm (8,3,4,7,8) có trị giá 1.114.562.500đ (một tỷ một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) và các tài sản do bà T tạo dựng (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

5.2. Phần đất còn lại giao cho bà Hoàng Thị C được quyền sử dụng diện tích 338,5m^2 (đất theo hiện trạng tăng 1,7m^2), trong đó: Đất ở là 260,0m^2, đất trồng cây lâu năm là 78,5m^2 tại một phần thửa đất 56 (2), tờ bản đồ P, tại: P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội, nay là xã P, thành phố Hà Nội (quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà C), đất được giới hạn bởi các điểm (7,4,5,6,7) có trị giá 3.601.567.500đ (Ba tỷ sáu trăm linh một triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và các tài sản do bà C và anh B tạo dựng (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

5.3. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào quyết định của Tòa án để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Quang B là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 437658 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/6/2016 mang tên ông Nguyễn Quang C có nghĩa vụ bàn giao lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phối hợp với những người được giao quyền sử dụng đất để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Trường hợp ông B không phối hợp, giao nộp GCNQSDĐ đã cấp để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mới thì những người được giao quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện việc làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quyết định của Tòa án (Không phụ thuộc vào việc ông Bình có bàn giao lại GCNQSDĐ ông B đang quản lý cho cơ quan nhà nước hay không).

6. Về tiền chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chi toàn bộ tiền chi phí tố tụng (đã thanh toán xong).

7. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Hoàng Thị C theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Việt Phương